

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10/8/2022
(V/v Tranh chấp ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ H - TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Ngọc Bích

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tịnh và ông Lê Văn Lil

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 309/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp Hiệp Đ, xã Long Điền Đ A, huyện Đ H, Bạc Liêu

2/. *Bị đơn:* Ông Khuru Hoàng H, sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp Hiệp Đ, xã Long Điền Đ A, huyện Đ H, Bạc Liêu.

(Bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/6/2022, lời khai trong quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị Bích Th và ông Khuru Hoàng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông bà chung sống với nhau vào năm 1990, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo bà Th và ông H xác định: Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, gia đình cũng tổ chức hòa giải cho vợ chồng nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được. Ông bà đã sống ly thân 07 năm nay không còn quan tâm nhau. Nay bà Th xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà Th yêu cầu ly hôn với ông Khuru Hoàng H. Ông H xác định mặc dù ông bà sống ly thân 07 năm nay không còn quan tâm nhau nhưng ông không muốn các con lo lắng nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Th.

Về con chung: Bà Th và ông H thống nhất xác định ông bà có 02 người con chung tên Khuru Thị Bích Nh, sinh năm 1991 và Khuru Hoàng H, sinh năm 1992. Hiện nay các con đã trưởng thành tự lo cho bản thân nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Th và ông H thống nhất xác định vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà Th và ông H thống nhất xác định ông bà không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Giữa bà Th và ông H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Th và ông H.

Về con chung: Các con của ông bà đã trưởng thành tự lo cho bản thân nên khi ly hôn không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình bà Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Nguyễn Thị Bích Th có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với ông Khuru Hoàng H. Ông H có địa chỉ cư trú tại huyện Đ H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Bà Th có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Ông Khuru Hoàng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Bích Th và ông Khuru Hoàng H chung sống với nhau vào năm 1990, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, ông bà đã có con chung nhưng vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy việc không đi đăng ký kết hôn giữa bà Nguyễn Thị Bích Th và ông Khuru Hoàng H là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do đó theo quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa bà Th và ông H không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay bà Th yêu cầu ly hôn với ông H thì Hội đồng xét xử không giải quyết cho ông bà ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Th và ông H là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà Th và ông H thống nhất xác định ông bà có 02 người con chung tên Khuru Thị Bích Nh, sinh năm 1991 và Khuru Hoàng H, sinh năm 1992.

Hiện nay các con đã trưởng thành tự lo cho bản thân nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Th và ông H thống nhất xác định ông bà tự thỏa thuận với nhau nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà Th và ông H xác định ông bà không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Bích Th và ông Khuru Hoàng H là vợ chồng.

2/. Về con chung: Không đặt ra xem xét.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002408 ngày 13 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ H.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bà Nguyễn Thị Bích Th và ông Khru
Hoàng H được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày
nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu ;
- VKSND huyện Đ H;
- Chi cục THADS Huyện Đ H;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Thạch Thị Ngọc Bích

